CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tập đoàn 911

Ngày 31/12/2025	6,450 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.4%	**-5.3%**	**-2.6%**

DT thuần
Q4/25
160
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 82.6| 107%
YoY: ▲ 26.0| 19.3%

LN thuần
Q4/25
6.15
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.14| 722%
YoY: ▲ 5.79| 1609%

LN sau thuế
Q4/25
3.45
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.03| 143%
YoY: ▲ 3.25| 1625%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
2.7%
YoY: +/-▼ 0.9%

ROE
2025
5.5%
YoY: +/-▼ 0.3%

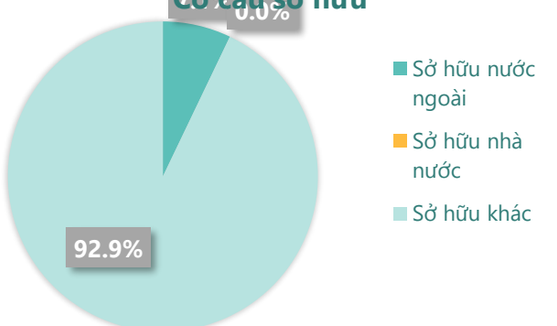
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	6,093 - 9,956
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	155
Số lượng CPLH (CP)	24,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	36,645
Sở hữu nước ngoài	7.1%
Beta	0.35
EPS	739
P/E	8.7

DT thuần
2025
1,078
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 276| 34.3%

LN thuần
2025
24.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.90| 3.9%

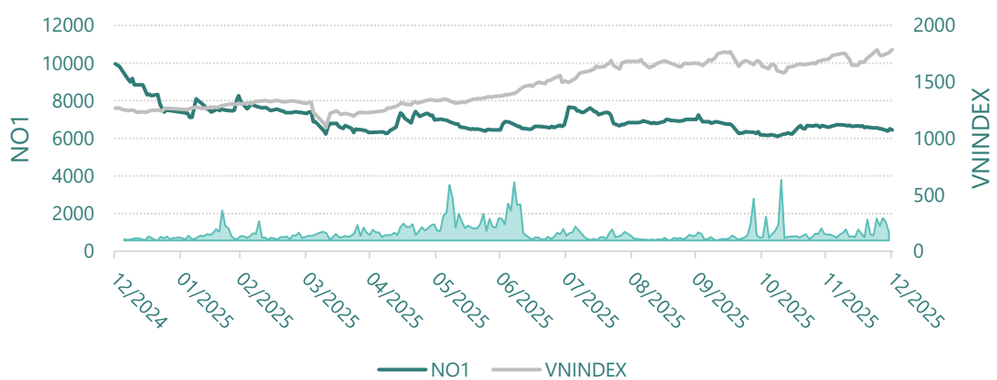
LN sau thuế
2025
16.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.30| -7.2%

Cơ cấu sở hữu

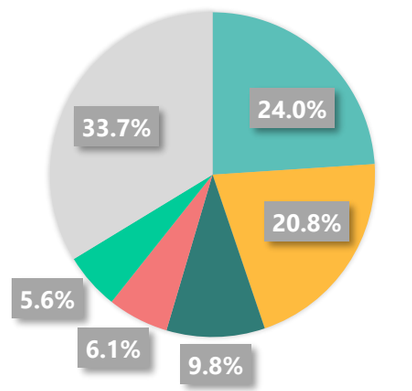


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

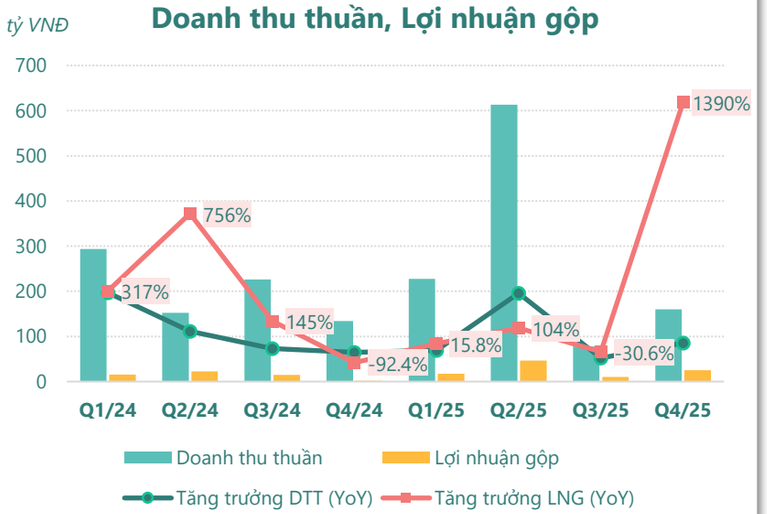


- Nguyễn Thị Hải
- Lưu Đình Tuấn
- Nguyễn Xuân Thanh (Tổng giám đốc)
- Mirae Asset Daewoo Co., Ltd.
- Nguyễn Mạnh Hải (Chủ tịch HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

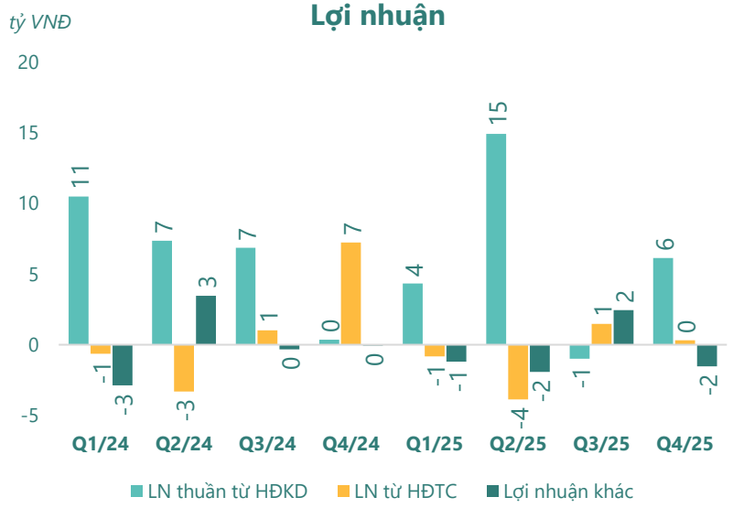
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



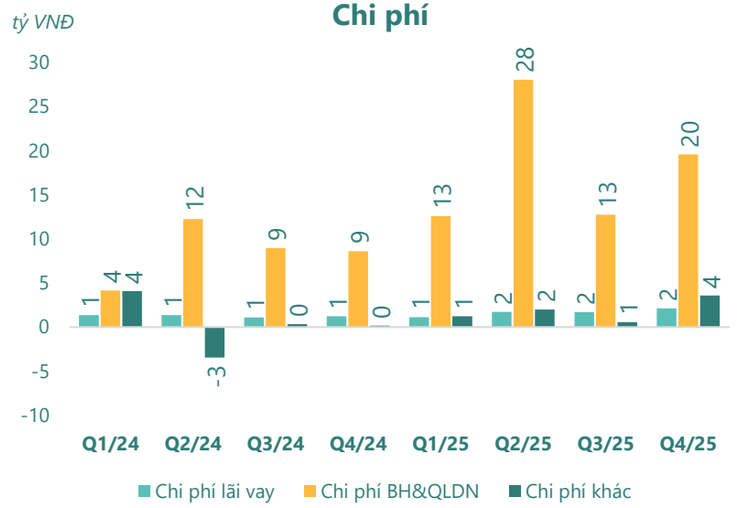
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



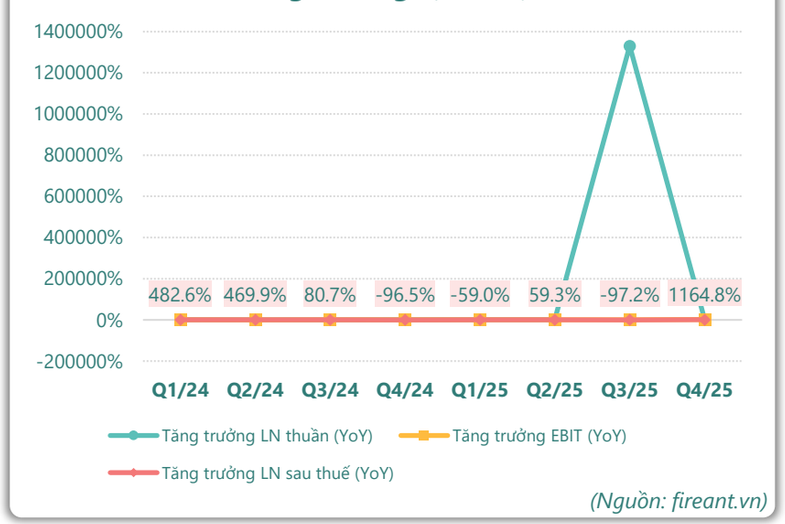
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



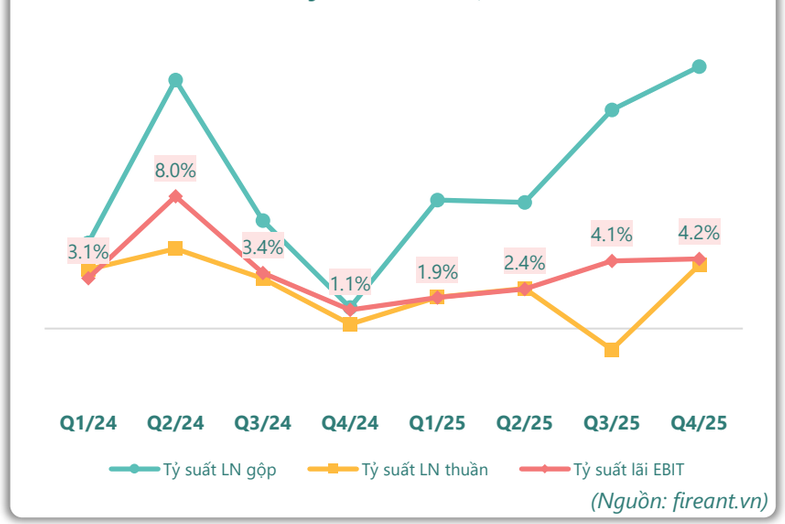
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



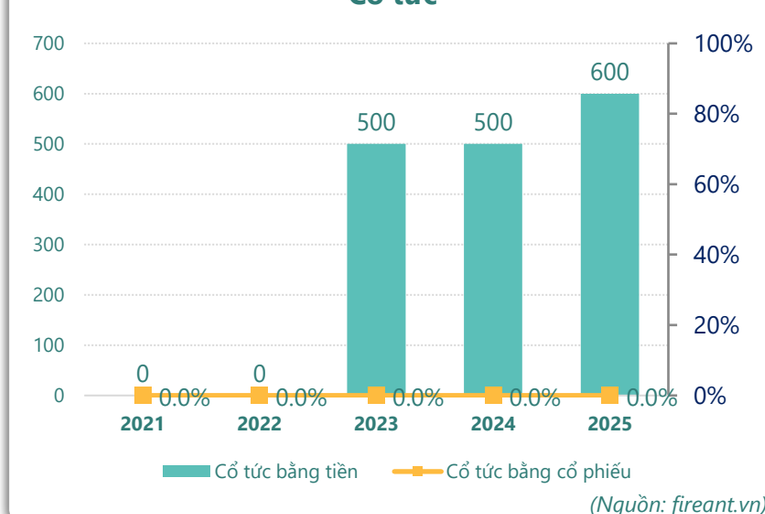
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

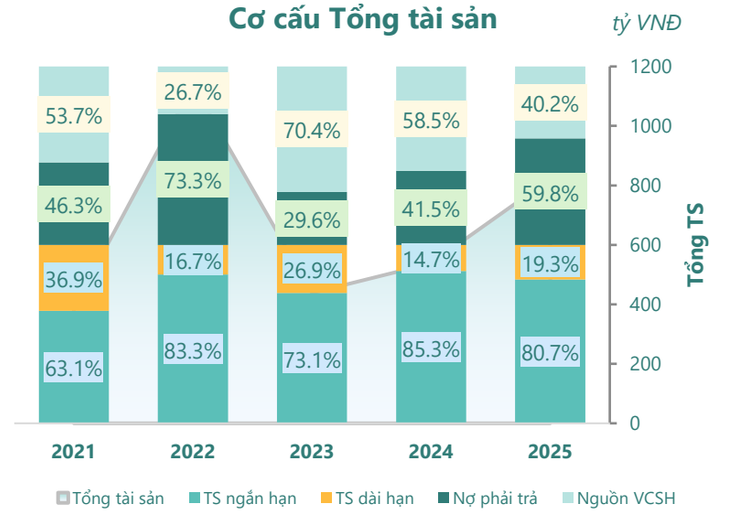
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

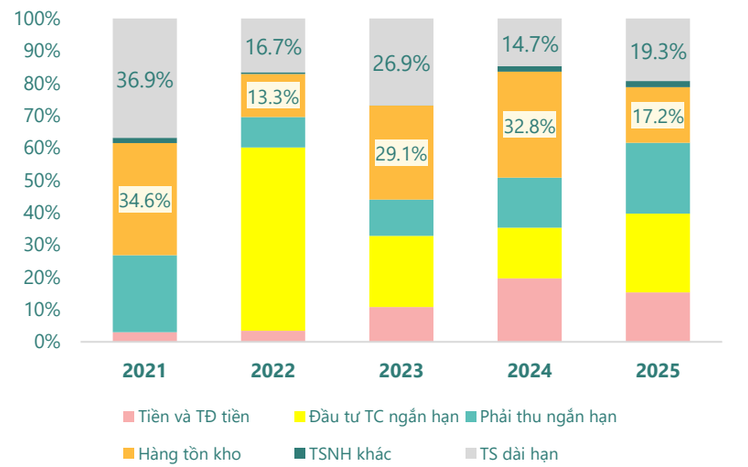
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



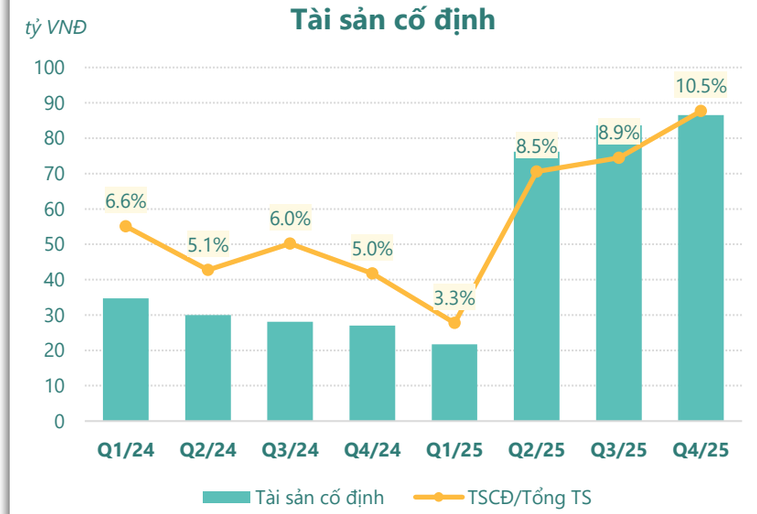
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



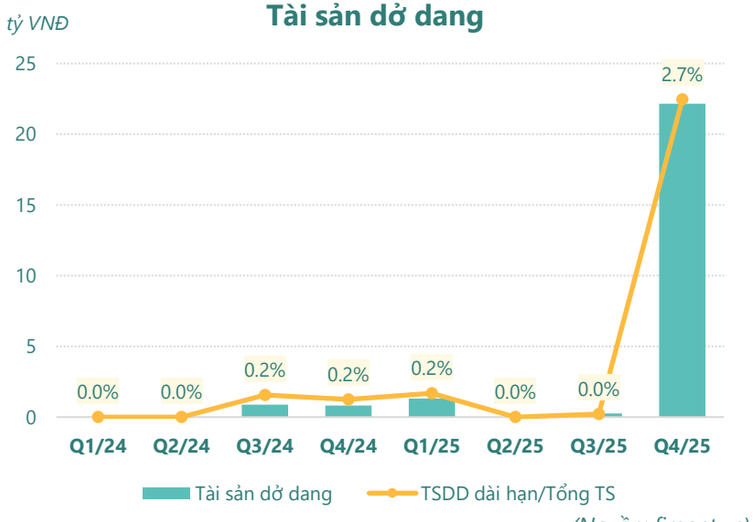
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



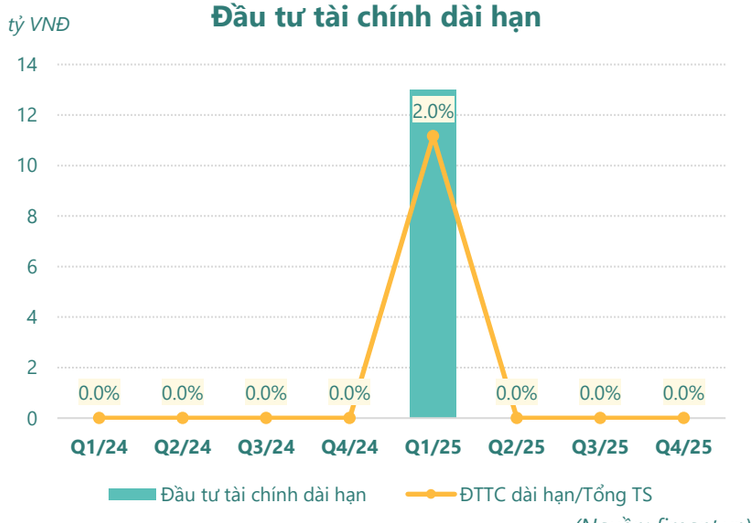
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



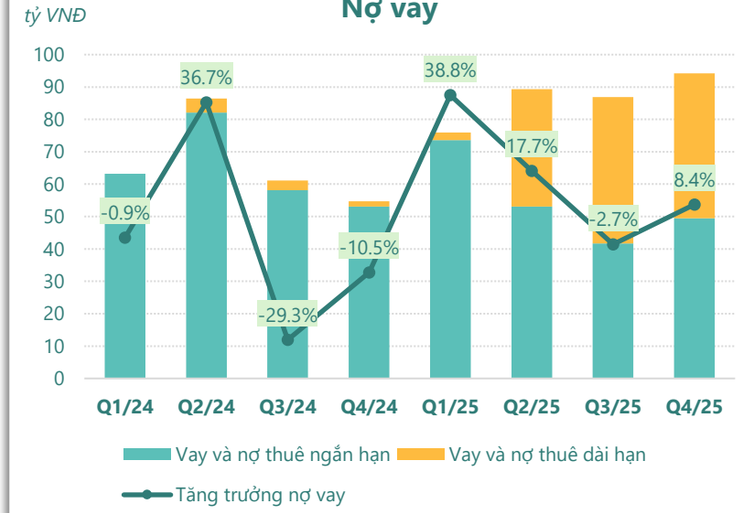
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

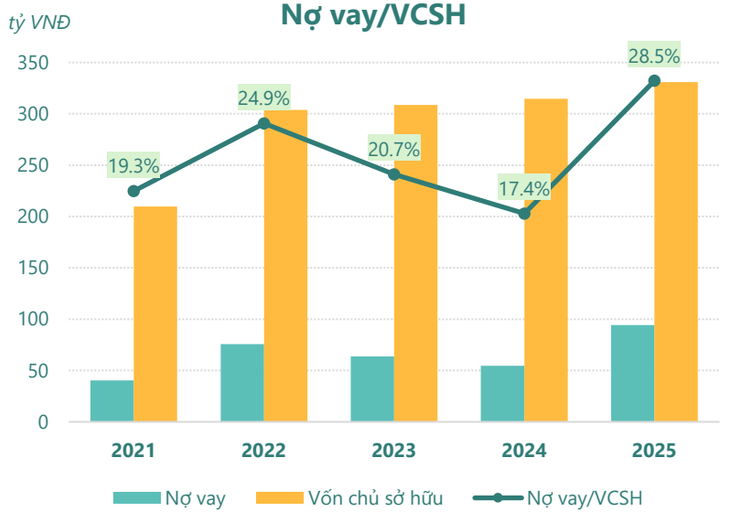
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

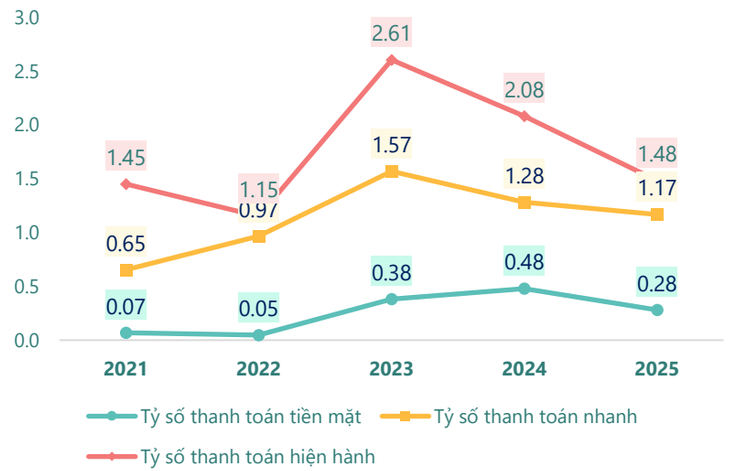
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



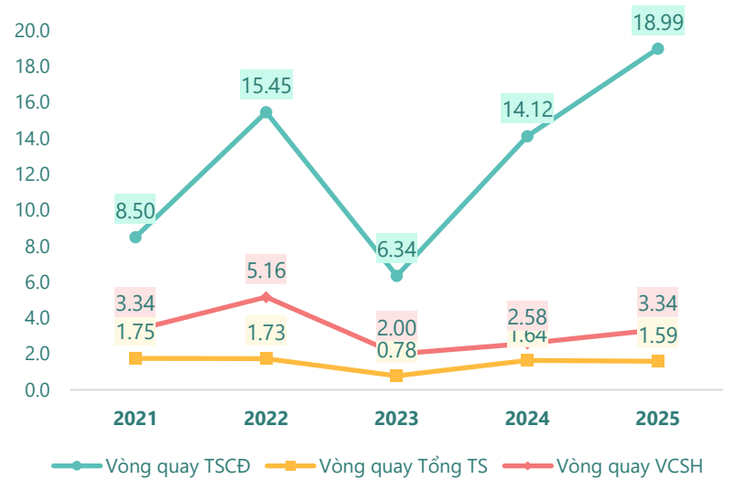
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



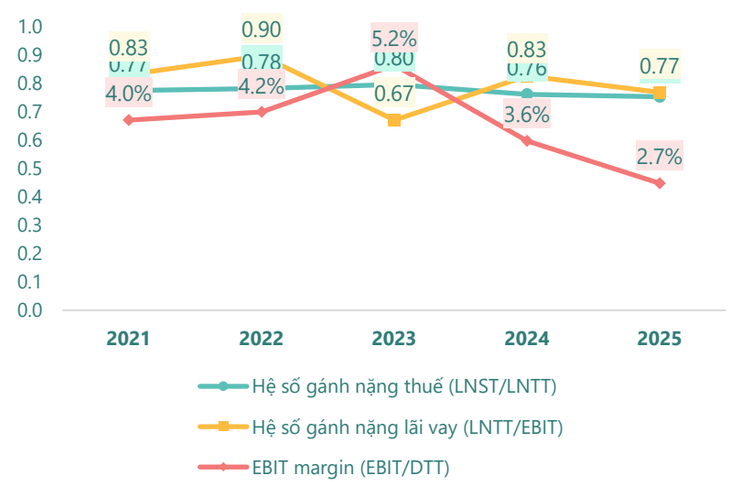
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



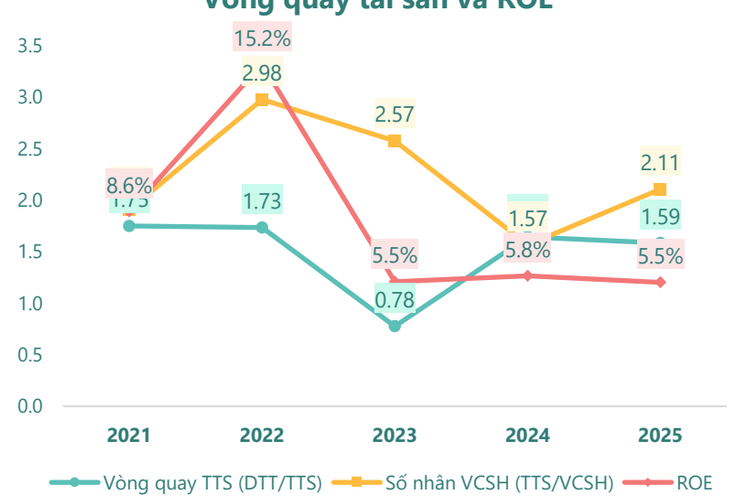
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



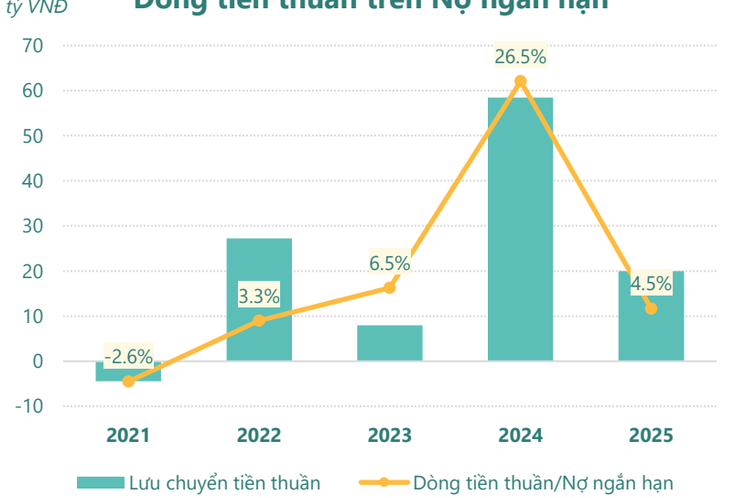
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**160**	**134**	**19.3%**	**1,078**	**802**	**34.3%**
Giá vốn hàng bán	135	132	1.9%	978	749	30.5%
Lợi nhuận gộp	25.4	1.70	1394%	100	53.1	88.7%
Doanh thu HĐTC	6.87	11.7	-41.3%	13.0	16.1	-19.6%
Chi phí TC	6.54	4.45	47.1%	15.9	11.8	34.2%
Chi phí lãi vay	2.13	1.22	74.5%	6.71	5.01	33.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	8.81	2.66	231%	24.0	15.2	58.0%
Chi phí QLDN	**10.8**	**5.93**	**81.3%**	**48.9**	**18.7**	**161%**
LN thuần từ HĐKD	6.15	0.36	1609%	24.4	23.5	3.9%
Lợi nhuận khác	**-1.52**	**-0.07**	**-2074%**	**-2.20**	**0.18**	**-1300%**
LN trước thuế	4.63	0.29	1497%	22.2	23.7	-6.2%
Lợi nhuận sau thuế	**3.45**	**0.20**	**1625%**	**16.7**	**18.0**	**-7.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.01**	**0.20**	**1904%**	**17.7**	**18.0**	**-1.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-128	17.5	-114	237	130	-30.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	35.1	27.0	62.5	-171	130	-253
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-21.2	-16.7	25.2	16.4	-2.42	-10.6
Tiền đầu kỳ	167	53.6	106	78.8	161	420
Lưu chuyển tiền thuần	**-114**	**27.8**	**-26.7**	**82.6**	**258**	**-294**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.03	0	0	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	53.6	81.3	78.8	161	420	126

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**822**	**538**	**52.9%**
Tài sản ngắn hạn	663	459	44.6%
Tiền và tương đương tiền	126	106	18.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	201	84.1	139%
Phải thu ngắn hạn	180	83.3	116%
Hàng tồn kho	142	176	-19.7%
Tài sản ngắn hạn khác	15.4	9.64	59.5%
Tài sản dài hạn	**159**	**79.0**	**101%**
Phải thu dài hạn	2.25	0.62	264%
Tài sản cố định	86.5	27.0	220%
Bất động sản đầu tư	30.0	30.0	0.0%
Tài sản dở dang	22.2	0.82	2616%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**18.1**	**20.5**	**-11.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	491	223	120%
Nợ ngắn hạn	**447**	**220**	**103%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	49.4	51.9	-4.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	362	137	164%
Nợ dài hạn	44.7	2.78	1511%
Vay và nợ thuê dài hạn	44.7	2.78	1511%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**331**	**315**	**5.1%**
Vốn chủ sở hữu	**331**	**315**	**5.1%**
Vốn điều lệ	240	240	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)